

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **110/2022/DSST**
Ngày: **15/12/2022**
V/vụ án: “*Tranh chấp
đòi tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Kim Thoa**
Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Nguyễn Phước Lộc**
- 2. Bà Nguyễn Hồng Tươi**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Lương Quang Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày **15** tháng **12** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 về vụ án: “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS ngày 24/11/2022, giữa:

* **Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1952 (vắng mặt)**

Địa chỉ: 169 Lâm Văn B, P. B, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Huy S, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Khách sạn G, đường THĐ, khu phố N, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

* **Bi đơn:**

1/ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 6, khu phố K, phường VL, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

2/ Bà Nguyễn Thị T. O, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố A, phường Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2018 nguyên đơn – ông Trần Văn T trình bày:

Vào năm 2007, ông T có nhờ ông Phạm Văn T1 mua giúp thửa đất của ông Trần Văn G ở đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc diện tích 351,5 m² và đã chuyển cho ông T1 số tiền 390.000.000 đồng. Ông T1 nhận chuyển nhượng đất với ông Ga nhưng không làm thủ tục sang tên cho ông T mà làm thủ tục tên ông T1 và chuyển nhượng cho người khác. Ông T nhiều lần đến gặp ông T1 để giải quyết sự việc trên nên hai bên viết giấy thoả thuận ông T1 có nhận của ông T số tiền 390.000.000 đồng vào thời gian từ khoảng tháng 10 năm 2007 đến tháng 02 năm 2008, biên nhận nhận không ghi ông T1 phải trả lãi suất là bao nhiêu.

Trong thời gian quen biết, ông T có nhờ ông T1 làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13 ở ấp Ông Lang, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, ông T giao cho ông T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00966 đối với thửa đất nêu trên. Ông T1 không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng mà đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cầm cố cho ông Huỳnh Văn M vào ngày 01/6/2009. Đến ngày 02/6/2017, ông T phải trả cho ông M số tiền 400.000.000 đồng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00966 nên ông Phạm Văn T1 đã thống nhất ký nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 07/6/2017 với ông T, nhưng sau đó không trả lại.

Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T. O (vợ ông T1) phải trả cho ông, cụ thể như sau:

1/ Yêu cầu ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T. O phải trả cho ông T số tiền vốn gốc là 390.000.000 đồng và bồi thường gấp 03 lần số tiền vốn gốc là 1.170.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/03/2013 đến khi Toà án đưa vụ án ra xét xử.

2/ Yêu cầu ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T. O phải trả ông T số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/6/2017 với lãi suất 1.125%/tháng đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chỉ yêu cầu một mình ông Phạm Văn T1 là người trả nợ, không yêu cầu bà Nguyễn Thị T. O trả nợ chung trong vụ kiện này, đồng thời không yêu cầu ông Phạm Văn T1 phải bồi thường gấp 03 lần số tiền 1.170.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu

ông T1 trả số tiền 390.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; số tiền 400.000.000 đồng thì phải tính tiền lãi từ ngày 07/6/2017 với lãi suất 1.125%/tháng đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Quách Huy S giữ nguyên ý kiến của ông Trần Văn T về việc rút một phần đơn khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Thị T. O phải chịu trách nhiệm chung cùng ông T1 trả nợ trong vụ kiện này, không yêu cầu ông Phạm Văn T1 phải bồi thường gấp 03 lần số tiền 1.170.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 390.000.000đồng, đồng thời ông S rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 400.000.000 đồng.

Trích biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn T1:

- Ông T1 thừa nhận trước đây có nhận tiền của ông T để mua giúp ông T thửa đất diện tích 351,5 m² trên đường Cách mạng tháng 8, khu phố 10, phường Dương Đông, Phú Quốc. Ông T1 đã nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông G và làm thủ tục sang tên ông T1 và đã chuyển nhượng cho người khác. Việc mua bán giữa ông T và ông G không thành nên ông T yêu cầu ông T1 trả tiền thì ông T1 thống nhất trả số tiền 390.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi hay bồi thường hợp đồng vì ông T1 chỉ đứng ra mua giúp ông T.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông T1 trả số tiền 400.000.000 đồng thì ông T1 thừa nhận trước đây vào năm 2008 do kẹt tiền nên ông T1 có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T cho ông Huỳnh Văn M để vay số tiền 400.000.000 đồng sử dụng cá nhân. Sau đó ông T đã trực tiếp gặp ông M để thoả thuận chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Ông T1 thống nhất số tiền nợ là 400.000.000đồng và ký giấy nhận nợ ngày 07/6/2017. Ông T1 không đồng ý trả vì trước đây ông T có hứa miệng sẽ cho ông T1 số tiền 400.000.000 đồng khi bán được đất và cũng không đồng ý trả tiền lãi.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị T. O trình bày: Bà O không biết ông Trần Văn T. Những vụ việc làm ăn giữa ông T1 và ông T bà O không biết và không liên quan đến bà. Do đó đối với tất cả yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Oanh không đồng ý và xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là chấp hành đúng pháp luật; Vụ án được xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng người tham gia tố tụng; Vụ án có sự vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án; Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1, khoản 2 Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên về thủ tục không vi phạm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu nhận lại số tiền vốn gốc tổng cộng là 790.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi trên số tiền 400.000.000 đồng, đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến của đại diện nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn T1 phải trả cho ông Trần Văn T số tiền 790.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về buộc ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu Oanh phải bồi thường gấp 03 lần là 1.170.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi. Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn T vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền có mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T. O có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa, ông Quách Huy S là đại diện theo uỷ quyền của ông T chỉ yêu cầu Tòa án buộc một mình ông Phạm Văn T1 phải có trách nhiệm trả ông T tổng số tiền 790.000.000 đồng vốn gốc, không yêu cầu bà Nguyễn Thị T. O phải chịu trách nhiệm chung trong vụ kiện này, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Xét thấy yêu cầu của ông T đòi lại tài sản là số tiền 790.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, bởi vì ông T1 thừa nhận có nhận của ông T số tiền trên, do đó buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền này theo quy định tại Điều 121; Điều 256; Điều 290 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 116; Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

Ý kiến của ông T1 cho rằng số tiền 400.000.000 đồng là tiền ông T hứa cho ông T1 bằng miệng, quá trình làm việc ông T không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi bồi thường 1.170.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T1 và bà O theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, đồng thời ông cũng là người được miễn án phí theo quy định khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền buộc trả 790.000.000đồng là 35.600.000 đồng (cụ thể là 20.000.000đ + (4% x 390.000.000đ).

4. Báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên **QUYẾT ĐỊNH**

I/ Áp dụng pháp luật

- Áp dụng Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 266; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 121; Điều 256; Điều 290 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 116; Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

II/ Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Phạm Văn T1.

Buộc ông Phạm Văn T1 phải trả cho ông Trần Văn T số tiền 790.000.000 đồng (bảy trăm chín mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi bồi thường 1.170.000.000đồng và yêu cầu trả tiền lãi do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T1 và bà O.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

III/ Án phí:

Ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền buộc trả là 35.600.000 đồng.

IV/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS TP Phú Quốc;
- THADS TP Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHẠM THỊ KIM THOA